

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST

Ngày: 07-8-2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Hiên,

2. Bà Lương Thị Thùy Dương.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Trần Thị Thúy Hằng - Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc *“Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố C, Phường 1, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố S, Phường 5, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố N, Phường 1, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2024, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 16/7/2024 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Hà trình bày:

Ngày 10/10/2023, bà Nguyễn Thị H có viết giấy mượn tiền của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 1.600.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Cùng ngày 10/10/2023, bà Hà chuyển vào số tài khoản của bà H số 3900205176113 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Quảng Trị với tổng số tiền 1.600.000.000 đồng.

Sau khi vay số tiền trên bà Hồng đã nhiều lần trả với tổng số tiền gốc là 757.800.000 đồng:

- Ngày 11/10/2023 trả số tiền 400.000.000 đồng.

- Ngày 16/10/2023 trả số tiền 2.800.000 đồng.

- Ngày 20/10/2023 trả số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 27/10/2023 trả số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 30/10/2023 trả số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 16/11/2023 trả số tiền 170.000.000 đồng.
- Ngày 21/01/2024 trả số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 09/02/2024 trả số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 15/03/2024 trả số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 20/03/2024 trả số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 20/5/2024 trả số tiền 15.000.000 đồng.
- Ngày 11/6/2024 trả số tiền 10.000.000 đồng.

Nay bà Hà yêu cầu bà Hồng trả số tiền gốc còn lại là **842.200.000 đồng**

Về tiền lãi: Yêu cầu lãi trên số tiền gốc chậm thanh toán cụ thể như sau:

1. Ngày 16/10/2023, trả số tiền 2.800.000 đồng, nhưng từ ngày 11/10/2023 đến ngày 16/10/2023 (5 ngày) bà H chưa trả nợ lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng x lãi suất 8%/năm x 5 ngày = **1.333.000 đồng**.

1.200.000.000 đồng - 2.800.000 đồng = 1.197.200.000 đồng

2. Ngày 20/10/2023, trả số tiền 50.000.000đồng, nhưng từ ngày 16/10/2023 đến ngày 20/10/2023 (5 ngày) bà H chưa trả nợ lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 1.197.200.000đồng x lãi suất 8%/năm x 4 ngày = **1.064.000đồng**

1.197.200.000đồng - 50.000.000đồng = 1.147.200.000đồng

3. Ngày 27/10/2023, trả số tiền 10.000.000đồng, nhưng từ ngày 20/10/2023 đến ngày 27/10/2023 (7 ngày) bà H chưa trả nợ lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 1.147.200.000đồng x lãi suất 8%/năm x 7 ngày = **1.784.000đồng**.

1.147.200.000đồng - 10.000.000đồng = 1.137.200.000đồng

4. Ngày 30/10/2023, trả số tiền 20.000.000đồng, nhưng từ ngày 27/10/2023 đến ngày 30/10/2023 (3 ngày) bà H chưa trả nợ lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 1.137.200.000đồng x lãi suất 8%/năm x 3 ngày = **758.000 đồng**.

1.137.200.000 đồng - 20.000.000 đồng = 1.117.200.000đồng

5. Ngày 16/1/2024, trả số tiền 170.000.000đồng, nhưng từ ngày 30/10/2023 đến ngày 16/1/2024 (16 ngày) bà H chưa trả nợ lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 1.117.200.000 đồng x lãi suất 8%/năm x 16 ngày = **3.972.000 đồng**

1.117.200.000 đồng - 170.000.000 đồng = 947.200.000 đồng

6. Ngày 21/1/2024, trả số tiền 30.000.000đồng, nhưng từ ngày 16/1/2024 đến ngày 21/1/2024 (5 ngày) bà H chưa trả nợ lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 947.200.000 đồng x lãi suất 8%/năm x 5 ngày = **1.052.000 đồng**

947.200.000 đồng - 30.000.000 đồng = 917.200.000đồng

7. Ngày 09/2/2024, trả số tiền 10.000.000 đồng, nhưng từ ngày 21/1/2024 đến ngày 09/2/2024 (18 ngày) bà H chưa trả nợ lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 917.200.000 đồng x lãi suất 8%/năm x 18 ngày = **3.668.000 đồng**

917.200.000 đồng - 10.000.000 đồng = 907.200.000 đồng

8. Ngày 15/3/2024, trả số tiền 20.000.000 đồng, nhưng từ ngày 09/2/2024 đến ngày 15/3/2024 (36 ngày) bà H chưa trả nợ lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 907.200.000 đồng x lãi suất 8%/năm x 36 ngày = **7.257.000 đồng**.

907.200.000 đồng - 20.000.000 đồng = 887.200.000 đồng

9. Ngày 20/3/2024, trả số tiền 20.000.000 đồng, nhưng từ ngày 15/3/2024 đến ngày 20/3/2024 (5 ngày) bà H chưa trả nợ lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 887.200.000 đồng x lãi suất 8%/năm x 5 ngày = **985.000 đồng**.

887.200.000 đồng - 20.000.000 đồng = 867.200.000 đồng.

10. Ngày 20/5/2024, trả số tiền 15.000.000 đồng, nhưng từ ngày 20/3/2024 đến ngày 20/5/2024 (60 ngày) bà H chưa trả nợ lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 867.200.000 đồng x lãi suất 8%/năm x 30 ngày = **5.781.000 đồng**.

867.200.000 đồng - 15.000.000 đồng = 852.200.000 đồng.

11. Ngày 11/6/2024, trả nợ số tiền 10.000.000 đồng, nhưng từ ngày 20/5/2024 đến ngày 11/6/2024 (21 ngày) bà H chưa trả nợ lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 852.200.000 đồng x lãi suất 8%/năm x 21 ngày = **3.976.000 đồng**.

852.200.000 đồng - 10.000.000 đồng = 842.200.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 11/6/2024 đến ngày xét xử 07/8/2024 là: 842.200.000 đồng x 8%/năm x 58 ngày = **10.855.000 đồng**

Tổng số tiền lãi bà Hà yêu cầu bà H phải trả là: **42.485.000 đồng**.

2. *Tại các văn bản trình bày ý kiến ngày 20/6/2024 và ngày 02/7/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà H thừa nhận có vay bà Hà số tiền 1.600.000.000 đồng, bà H chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Hà nhưng yêu cầu bà H khấu trừ số tiền gốc bà H đã trả cho bà Hà 12 lần theo các phiếu sao kê chuyển tiền qua tài khoản bà H đã giao nộp cho Tòa án; Về lãi suất bà H đồng ý trả lãi suất với mức 8%/năm. Tuy nhiên hiện bà Hồng chưa có tiền để trả cho bà H nên xin được trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xem xét việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồng.

[2] Về nội dung:

Xem xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn:

2.1 Về số tiền gốc: Giấy mượn tiền ngày 10/10/2023 có nội dung: Bà H mượn bà Hà số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 11/10/2023. Nhưng ngày 11/10/2023 bà H chỉ trả được số tiền gốc 400.000.000 đồng. Từ ngày 16/10/2023 đến ngày 11/6/2024 trả thêm được số tiền 357.800.000 đồng. Tổng số tiền gốc đã trả qua 12 lần là 757.800.000 đồng, còn nợ lại 842.200.000 đồng. Theo thời hạn thanh toán nợ đã cam kết thì khoản vay đã quá hạn từ ngày 12/10/2023, vì

vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 842.200.000 đồng.

2.2 Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 8%/năm và thời hạn tính lãi suất như trên là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận tổng số tiền lãi là 42.485.000 đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền **884.685.000** đồng, trong đó: Tiền gốc là **842.200.000** đồng; tiền lãi là **42.485.000** đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí là **24.300.000** (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000313 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H **phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.540.000 (Ba mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.**

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CC THADS TP. Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Yến